

Số: 12 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên thông ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viên thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung;

Căn cứ Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt và công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung;



Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của liên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4961/TTr-SXD ngày 06/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2020, thay thế Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định sử dụng chung cột điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu : VT, THNC, KTNS, KTN (Nhiên).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH
Quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị.

2. Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật*: là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. *Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống bể kỹ thuật, hào kỹ thuật và tụy nện kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

3. *Tụy nện kỹ thuật* là công trình ngầm theo tuyến có kích thước lớn đủ để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, đường ống kỹ thuật.

4. *Hào kỹ thuật* là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

5. *Cống, bể kỹ thuật* là hệ thống ống, bể cáp để lắp đặt đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện trên nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP).

2. Đối với các doanh nghiệp đã có sẵn công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh thì khuyến khích thực hiện chia sẻ hạ tầng theo hình thức trao đổi vị trí hạ tầng cho nhau theo nguyên tắc đơn vị A sử dụng chung hạ tầng của đơn vị B và ngược lại đơn vị B được sử dụng chung hạ tầng của đơn vị A tại các vị trí tương ứng hoặc tự thỏa thuận cho thuê lại.

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ đảm bảo các thành phần theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định về lưu trữ có liên quan.

4. Khi tháo dỡ, di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật phải chấp hành theo phương án với đơn vị cho thuê theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 4. Quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy hoạch và đầu tư phát triển tuân thủ theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

2. Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định tại Điều 10, 15, 16 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 5. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ trưởng Bộ Tài Chính - Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT) và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý giá thuê

a) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước thì giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung áp dụng thống nhất theo quyết định của UBND tỉnh.

b) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước thì các tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT để quy định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư và thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện đăng ký giá theo quy định pháp luật về quản lý giá. Trường hợp các bên không thỏa thuận được giá thuê, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá.

3. Căn cứ vào tính chất đặc thù của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tình hình thị trường, tổ chức, cá nhân lựa chọn phương pháp xác định giá thuê phù hợp với công trình cần định giá.

4. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện thu và quản lý tiền thuê sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

Điều 6. Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống khi thực hiện sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống khi thực hiện sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện như đối với dấu hiệu nhận biết các đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 7. Sử dụng chung công bệ kỹ thuật, hào kỹ thuật và tụy nen kỹ thuật

1. Loại công trình tham gia sử dụng chung công bệ kỹ thuật, hào kỹ thuật và tụy nen kỹ thuật

a) Công trình sử dụng chung công bệ kỹ thuật: đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng.

b) Công trình sử dụng chung hào kỹ thuật: đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng, đường ống cấp nước, đường ống cấp năng lượng.

c) Công trình sử dụng chung tụy nen kỹ thuật: đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng, đường ống cấp nước, đường ống cấp năng lượng, đường ống thoát nước.

2. Sử dụng chung hệ thống công bệ kỹ thuật, hào kỹ thuật và tụy nen kỹ thuật

a) Đối với các khu vực có hệ thống công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu hệ thống công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật có trách nhiệm cho phép các doanh nghiệp khác sử dụng chung để đảm bảo mỹ quan và hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

b) Đối với các khu vực có hệ thống công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật hiện hữu nhưng không đáp ứng được yêu cầu sử dụng chung, khi có đề nghị sử dụng chung hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, thì các bên phối hợp cải tạo, nâng cấp hệ thống công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật đảm bảo dung lượng sử dụng chung; hoặc chủ sở hữu phải có trách nhiệm đầu tư nâng cấp hệ thống công bề ngầm, tạo điều kiện cho việc sử dụng chung.

c) Tại những khu vực được quy hoạch xây dựng hệ thống công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa có các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống công bề kỹ thuật. Không đầu tư xây dựng công trình công bề kỹ thuật dùng riêng cho từng doanh nghiệp trên cùng một tuyến.

d) Doanh nghiệp chưa có công bề kỹ thuật phải thỏa thuận để sử dụng chung hệ thống công bề kỹ thuật của các doanh nghiệp có sẵn trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.

3. Khi thi công, vận hành, bảo dưỡng cáp, dây thuê bao ngầm phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn từng ngành và khoảng cách an toàn cho mạng lưới, phải đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và mỹ quan đô thị.

4. Chủ sở hữu hệ thống công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật, tuân thủ tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn mạng lưới.

5. Việc sử dụng chung công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.

6. Các đường dây, cáp, đường ống phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo kết cấu và có dấu hiệu nhận biết theo quy định, đồng thời bảo đảm thuận tiện trong quá trình quản lý vận hành và bảo dưỡng.

Điều 8. Sử dụng chung đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; công ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt

1. Các công trình đường dây, cáp và đường ống; cột treo cáp (dây dẫn); công bề kỹ thuật, hào kỹ thuật và tuyen kỹ thuật hiện hữu hoặc xây dựng mới nhưng nằm trong phạm vi hoặc là một hạng mục thuộc đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; công ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt, khi kết hợp sử dụng chung phải đảm bảo phù hợp yêu cầu, tiêu chuẩn quy chuẩn đối với từng

loại công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

2. Việc thiết kế xây dựng đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt phải tuân thủ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và có giải pháp kỹ thuật phù hợp để bố trí, lắp đặt các đường dây, cáp và đường ống.

3. Sử dụng chung các công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt hiện có phải tuân thủ các quy định này và có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý công trình, đồng thời phải đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và mỹ quan đô thị.

Điều 9. Sử dụng chung cột ăng ten

1. Cột ăng ten là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện (không bao gồm ăng ten máy thu thanh, thu hình của các hộ gia đình).

2. Loại công trình, thiết bị sử dụng chung cột ăng ten: thiết bị vô tuyến điện.

3. Việc sử dụng chung cột ăng ten phải đảm bảo chịu lực, an toàn, mỹ quan đô thị, thiết bị phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

4. Đối với các khu vực có cột ăng ten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và đủ điều kiện cho việc sử dụng chung, thì chủ sở hữu cột ăng ten phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để bảo đảm cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

5. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăng ten, khuyến khích chủ đầu tư thiết kế, xây dựng cột ăng ten thân thiện với môi trường và nhà trạm có khả năng tiếp nhận việc sử dụng chung.

Điều 10. Sử dụng chung cột treo cáp (dây dẫn)

1. Công trình sử dụng chung cột treo cáp (dây dẫn) bao gồm: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng.

2. Việc sử dụng chung cột treo cáp (dây dẫn) phải đảm bảo chịu lực, an toàn, mỹ quan đô thị, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật hiện hành của nhà nước đối với cột, cáp viễn thông đi nổi trong đó có Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành kèm theo Thông tư 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi là QCVN 33:2011/BTTTT).

3. Các đường dây, cáp, thiết bị phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và không được treo bên ngoài bó cáp, gây mất an toàn và mỹ quan, phải gắn thẻ nhận diện ghi thông tin đơn vị sở hữu cáp, có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

4. Nội dung xây dựng và sử dụng chung cột treo cáp

a) Tại các khu vực đô thị chưa có điều kiện hạ ngầm và khu vực nông thôn, miền núi, nếu hệ thống cột treo cáp (cột treo cáp của các ngành khác) có khả năng treo thêm đường dây, cáp viễn thông, điện lực, chiếu sáng thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sử dụng chung trên cơ sở bảo đảm chịu lực, an toàn, mỹ quan, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Các doanh nghiệp phải chủ động cải tạo, sắp xếp để đảm bảo tuyến cáp, dây thuê bao vững chắc, an toàn và mỹ quan.

b) Đối với các khu vực đã có hệ thống cột treo cáp, các doanh nghiệp khác khi có nhu cầu kéo cáp treo phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng sẵn có. Nếu trên một tuyến cùng tồn tại tuyến cột treo cáp và tuyến cống, bể ngầm thì việc sử dụng chung hạ tầng phải được ưu tiên sử dụng tuyến cống, bể ngầm (với điều kiện tuyến cống, bể ngầm đủ năng lực để cho thuê, sử dụng chung).

c) Cáp băng ngang đường phải đảm bảo độ cao cho phép và gắn thẻ theo quy định. Cáp treo dọc tuyến phải đảm bảo kết cấu và độ võng cho phép của các tiêu chuẩn ngành liên quan và có gắn thẻ ghi dung lượng và doanh nghiệp sở hữu.

d) Khi thi công, vận hành, bảo dưỡng cột treo cáp phải phối hợp với đơn vị điện lực (nếu có) để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho người và hệ thống viễn thông, lưới điện.

đ) Không xây dựng cột treo cáp tại các khu vực bắt buộc ngầm hóa 100%; Không trồng cột treo cáp mới khi đã có hệ thống cột treo cáp hiện hữu đạt yêu cầu và đảm bảo điều kiện sử dụng chung; Việc treo cáp lên hệ thống cột treo cáp hiện hữu phải thỏa thuận với đơn vị sở hữu cột treo cáp.

Điều 11. Sử dụng chung cột điện

1. Công trình sử dụng chung cột điện: Đường dây cáp truyền dẫn tín hiệu thông tin, chiếu sáng.

2. Không trồng cột điện mới khi đã có hệ thống cột điện hiện hữu đạt yêu cầu và điều kiện sử dụng chung.

3. Không treo cáp viễn thông trên cột điện trong các trường hợp

a) Cáp viễn thông treo bằng cách quấn xung quanh thân cột.

b) Để dư nhiều vòng trên cột với đường kính bó cáp lớn hơn 50 cm và không có khung treo cáp. Không bó chung cáp viễn thông với cáp điện để đảm bảo an toàn.

c) Cột bị nghiêng chưa sửa chữa, cột của đường dây điện đang thi công, và cột chuẩn bị di dời.

4. Nội dung sử dụng chung cột điện phải đảm bảo

a) Phải được sự thỏa thuận bằng văn bản của đơn vị sở hữu cột điện theo quy định của pháp luật và Quy định này. Trường hợp Quân đội và Công an sử dụng chung cột điện với mục đích phục vụ an ninh quốc phòng trường hợp đặc

biệt, khẩn cấp, phục vụ phòng chống thiên tai, lụt bão hoặc lắp tạm để phục vụ hội nghị, lễ hội do cấp có thẩm quyền tổ chức được thỏa thuận trên nguyên tắc hỗ trợ không thu tiền thuê.

b) Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn của ngành điện, ngành thông tin và truyền thông, các ngành khác có liên quan.

c) Cáp viễn thông được lắp đặt chung trên hệ thống cột điện hiện có tại các khu vực sau: khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp trong các công trình ngầm tại khu vực đô thị, khu vực không thể xây dựng tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại khu vực đô thị, khu vực chưa thể xây dựng hạ tầng công bề để hạ ngầm cáp viễn thông, khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấp (khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa). Nếu trên tuyến cột điện hiện có nhưng không đủ để sử dụng chung thì cho phép xây dựng thêm tuyến cột mới đan xen trên cùng tuyến cột hiện hữu để chuyển cáp, vừa đảm bảo an toàn cho toàn tuyến cáp nhưng không phát sinh thêm vị trí tuyến nhưng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và ngành viễn thông.

d) Nếu trên tuyến cột điện hiện hữu đã có cáp viễn thông dung lượng lớn dư nhiều thì hạn chế mỗi đơn vị xây dựng riêng cáp mới trên cột điện không đảm bảo an toàn và mỹ quan, mà phải hợp đồng thuê giữa các đơn vị viễn thông với nhau.

đ) Hệ thống khác lắp trên cột điện không được làm vượt quá kết cấu chịu lực làm rạn nứt, cong, nghiêng gây đổ ngã cột điện, không được gây cản trở công tác duy tu, kiểm tra, sửa chữa, thay thế thiết bị điện của đơn vị sở hữu cột điện.

e) Các đơn vị khác sử dụng chung cột điện phải có dấu hiệu nhận biết rõ ràng đối với từng hệ thống của đơn vị đó và đơn vị sở hữu cột điện phải sơn, treo đầy đủ số cột điện, biển báo nguy hiểm, cảnh báo bảo vệ tài sản, bảng tên chỉ danh thiết bị điện lắp đặt trên tất cả các cột điện.

5. Các hệ thống khác lắp chung trên cột điện nhưng phải đảm bảo điều kiện lưới điện đi phía trên và phải tuân thủ theo quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT, cụ thể như sau:

a) Khoảng cách nhỏ nhất cho phép giữa cáp viễn thông, phụ kiện treo cáp viễn thông và đường dây điện lực khi dùng chung cột là 1,25 m đối với đường dây điện lực có điện áp đến 01 KV và 03 m đối với đường dây điện lực có điện áp đến 22 KV.

b) Yêu cầu lắp đặt tủ cáp: Không được lắp đặt tủ cáp trên cột điện lực có treo trạm biến áp. Tủ cáp lắp đặt bên dưới các đường dây điện lực phải là tủ có vỏ bằng vật liệu cách điện. Tủ cáp treo trên cột được lắp ở độ cao so với mặt đất là 0,3 m đến 1,5 m ở những khu vực không bị ngập lụt và trên 1,5 m ở những khu vực có ngập lụt. Khi lắp đặt tủ cáp trên cột điện, không được làm che khuất các thông tin được quy định tại điểm e khoản 4 Điều này. Trên cùng một cột điện, không được treo nhiều hơn một tủ cáp.

c) Yêu cầu lắp đặt hộp cáp: Hộp cáp được lắp trên cột phải có khoảng cách đến mặt đất không nhỏ hơn 2,5 m. Cáp đi vào và dây thuê bao đi ra trên bề mặt cột phải được đặt trong ống nhựa hoặc thanh dẫn cáp. Ống dẫn cáp, thanh dẫn cáp phải đặt thẳng dọc thân cột và cố định chắc chắn vào cột bằng các đai thép không rỉ. Khoảng cách giữa các đai không lớn hơn 50 cm.

d) Yêu cầu đối với cáp thuê bao treo nổi: khoảng cách nhỏ nhất giữa cáp viễn thông và dây điện lực thực hiện đúng QCVN 33:2011/BTTTT. Dây treo cáp hoặc dây tự treo cáp bằng kim loại, vỏ kim loại của cáp, các tủ cáp, hộp cáp phải được nối đất.

6. Đường dây cáp phải đảm bảo độ võng theo quy định, nhất là khi vượt qua đường giao thông, qua cầu, qua sông, trên sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao và đảm bảo độ võng theo quy định.

a) Độ võng tối thiểu của cáp viễn thông treo trên cột điện phải được tính toán tuân thủ QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

b) Nếu độ võng tối thiểu tại điểm a khoản này vi phạm các quy định, yêu cầu về an toàn điện thì việc tính toán độ võng tối thiểu này phải tuân theo Mục: II.4.48; II.4.49; II.4.50 Chương II.4 của Quy phạm trang bị điện - Phần II Hệ thống đường dẫn điện 11 TCN-19-2006).

Điều 12. Sử dụng chung hệ thống thu phát sóng thông tin di động

1. Công trình sử dụng chung hệ thống thu phát sóng thông tin di động bao gồm: Nhà trạm BTS, cột ăng ten BTS.

2. Các doanh nghiệp khi xây dựng cột, nhà trạm BTS phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các doanh nghiệp sở hữu các trạm BTS phải chia sẻ hạ tầng cột, nhà trạm BTS với các doanh nghiệp khác trên cơ sở đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Đối với các trạm BTS đang hoạt động không đáp ứng được nhu cầu sử dụng chung, các doanh nghiệp có thể cải tạo, nâng cấp cột, nhà trạm BTS đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định liên quan.

4. Nội dung xây dựng và sử dụng chung cột, nhà trạm BTS.

a) Tuân thủ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các cột BTS phải đảm bảo: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ, các doanh nghiệp được phép xây dựng cột ăng ten loại A2 (cột ăng ten công kênh) ngoài phạm vi khoảng cách tính từ tim đường, phố ≥ 50 m, đồng thời đảm bảo khoảng cách giữa các cột ăng ten loại A2 là 150 m đối với đô thị và 300 m đối với ngoài đô thị.

b) Các cột ăng ten được xây dựng không đảm bảo khoảng cách quy định tại điểm a nêu trên, bắt buộc phải sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các doanh nghiệp khác hoặc chuyển đổi sang cột ăng ten loại A1 (cột ăng ten không công kênh).

c) Chủ đầu tư xây dựng cột, nhà trạm BTS phải thiết kế kết cấu và chiều cao cột BTS đảm bảo cho các nhà mạng dùng chung (trên cơ sở biên bản thống nhất dùng chung hoặc cho thuê do các nhà mạng xác nhận) và phải đảm bảo về độ an toàn của công trình. Nhà trạm BTS có diện tích đảm bảo tương xứng với số trạm BTS sử dụng chung.

Điều 13. Hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng chung.

2. Hợp đồng sử dụng chung được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng theo mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Các đơn vị, doanh nghiệp đề nghị sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ cho mục đích an ninh, quốc phòng, các trường hợp đặc biệt, khẩn cấp, phục vụ phòng chống thiên tai, lụt bão hoặc lắp tạm để phục vụ hội nghị, lễ hội không phải ký hợp đồng dịch vụ, nhưng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và phải được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 14. Sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Đơn vị cho thuê (hoặc thuê) sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bảo trì lắp đặt thiết bị liên quan, phải có thông báo bằng văn bản cho các đơn vị đang thuê (hoặc cho thuê) được biết để cùng xây dựng kế hoạch kết hợp sửa chữa, nâng cấp, bảo trì cần gắn liền và thực hiện đồng bộ.

2. Việc sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung phải đảm bảo nguyên tắc thực hiện đồng bộ, tránh việc đơn vị thi công hạng mục sau ảnh hưởng đến hạng mục đã thi công của đơn vị thi công trước, đào lắp nhiều lần gây lãng phí và gây dư luận nhân dân.

3. Các tổ chức, cá nhân bao gồm chủ sở hữu công trình, người quản lý công trình hoặc người sử dụng công trình cùng có trách nhiệm bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định về bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

4. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 15. Tháo dỡ, di dời, hạ ngầm công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung là đầu mối thông báo cho các đơn vị khác sử dụng chung cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời, hạ ngầm để giải phóng mặt bằng hoặc để duy tu bảo quản, hạ ngầm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi nhận được văn bản của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung yêu cầu tháo dỡ, di dời, hạ ngầm hoặc thực hiện công tác duy tu bảo quản công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, tất cả các đơn vị khác sử dụng chung phối hợp khảo sát thiết kế, chuẩn bị kế hoạch nguồn vốn và thực hiện tháo dỡ, di dời, hạ ngầm đồng bộ, tránh việc đơn vị thi công hạng mục sau ảnh hưởng đến hạng mục đã thi công của đơn vị thi công trước, đào lấp nhiều lần gây lãng phí và gây dư luận nhân dân.

3. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung có đường dây, cáp nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu thì đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung, thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng để phối hợp giải quyết. Sau thời hạn yêu cầu, các doanh nghiệp không có sự phối hợp hoặc đường dây, cáp trên cột vẫn chưa được tháo dỡ, thì đơn vị sở hữu cột thông báo cho UBND cấp huyện cùng phối hợp giám sát việc tháo dỡ đường dây, cáp như tài sản vô chủ.

Điều 16. Xử lý sự cố

1. Các đơn vị khác sử dụng chung và đơn vị sở hữu phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ các số điện thoại liên lạc cần thiết cũng như danh sách cán bộ phụ trách. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp các bên liên quan phải có mặt tại hiện trường để phối hợp khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

2. Khi thực hiện công tác kiểm tra, rà soát phát hiện nguy cơ sự cố, đơn vị phát hiện phải báo cho đơn vị sở hữu phối hợp với các đơn vị khác sử dụng chung để cùng nhau nhanh chóng có biện pháp xử lý.

3. Việc thỏa thuận giữa đơn vị sở hữu và các đơn vị khác sử dụng chung trên tinh thần hợp tác, bình đẳng các bên cùng có lợi, nếu có những khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề chưa được quy định, các bên tự tổ chức đàm phán trên cơ sở tuân thủ pháp luật Nhà nước để đi đến thống nhất và thỏa thuận việc giải quyết khắc phục sự cố. Trường hợp không tự thỏa thuận được thì các bên có quyền báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì để giải quyết.

Điều 17. Thanh kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Việc quản lý, xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải được quản lý, kiểm tra, xử lý của chính quyền các cấp, lực lượng thanh tra và các cơ quan quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành và thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Hành vi vi phạm phải được phát hiện và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp vi phạm thuộc sự điều chỉnh của nhiều luật khác, bên cạnh việc áp dụng biện pháp tạm thời để hạn chế hậu quả, phải chuyển hồ sơ vi phạm đó đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo nguyên tắc áp dụng xử lý vi phạm theo quy định.

3. Các cơ quan chức năng của tỉnh căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình thường xuyên tổ chức việc kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan. Công tác kiểm tra phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về thanh tra và kiểm tra.

4. Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo các quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 19 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến chủ sở hữu tại quy định này.

2. Tăng cường liên hệ, hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật để sử dụng chung cơ sở hạ tầng trên nguyên tắc đàm phán hai bên cùng có lợi.

3. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, các cấp chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc đầu tư, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quản lý chất lượng công trình, quy hoạch và đầu tư xây dựng.

6. Khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Phải được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định về cấp phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật.

7. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng có các tuyến đường phố xây dựng mới

hoặc cải tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bố trí, lắp đặt đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành

Đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật tại quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung

1. Tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại quy định này.

2. Tăng cường liên hệ, hợp tác với chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên nguyên tắc đàm phán hai bên cùng có lợi.

3. Khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật phải chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Phải được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định về cấp phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương

1. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, hướng dẫn kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng, quy định, không đảm bảo an toàn, các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với các Sở, ngành, liên quan tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

g) Tham mưu cho UBND tỉnh thỏa thuận hướng tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp quản lý.

i) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc kết hợp sử dụng chung khi lập kế hoạch phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, lập quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch khu dân cư, quy hoạch khu công nghiệp, khu chức năng phải có nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đồng bộ.

k) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân khi lắp đặt, cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp vào hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung trên địa bàn tỉnh.

l) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật cho UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai, tuyên truyền thực hiện Quy định này để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê, hiệp thương giá sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, UBND cấp huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý các vi phạm quy định về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung lĩnh vực bưu chính, viễn thông theo thẩm quyền; Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình viễn thông không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

d) Chủ trì, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông với tinh thần hợp tác cùng phát triển và vì lợi ích cộng đồng; tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp phối hợp với ngành Điện lực chính trang, bó gọn cáp thông tin đang treo trên hệ thống cột của ngành điện.

đ) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành thông tin và truyền thông và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân khi lắp đặt, cải tạo, sắp

xếp đường dây, cáp viễn thông vào hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

e) Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông tạo điều kiện giúp đỡ và hỗ trợ lực lượng quân đội và công an sử dụng chung hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

h) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình thi công công trình trong phạm vi quỹ đất dành cho xây dựng công trình giao thông, đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông.

b) Quản lý nhà nước việc thi công các công trình công, bề ngầm và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

c) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc phạm vi phân cấp quản lý phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời, cải tạo, nâng cấp.

d) Phối hợp với Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê, hiệp thương giá sử dụng chung cơ sở hạ tầng giao thông ngoài đô thị theo thẩm quyền quản lý.

đ) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân khi lắp đặt, cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp vào hệ thống thuộc công trình giao thông theo thẩm quyền quản lý.

e) Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

g) Phối hợp với các Sở, ngành, liên quan tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

h) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

k) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

4. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo Công ty Điện lực phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chính trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông trên cột điện lực tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan, an toàn; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng viễn thông.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình viễn thông kết hợp với các công trình điện lực và hạ tầng cụm công nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực đối với các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý các vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật lĩnh vực điện lực theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê, hiệp thương giá sử dụng chung cơ sở hạ tầng theo thẩm quyền quản lý.

g) Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

h) Phối hợp với các Sở, ngành, liên quan tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

k) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

l) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện trong việc giao đất, sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND cấp huyện trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai và môi trường khi nhận được đề nghị của các doanh nghiệp.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá.

d) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành thẩm định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Chủ trì hướng dẫn việc thực hiện cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê; quy định việc miễn, giảm giá phục vụ hoạt động công ích quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật.

đ) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (vốn ngoài ngân sách Nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá tại các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính và các điều khoản của hợp đồng giữa các đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

g) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch và kế hoạch đầu tư công.

8. Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học

a) Chủ trì, hướng dẫn kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, các sự cố về

công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn quản lý.

d) Quản lý việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các khu công nghiệp; phối hợp các sở, ngành và đơn vị có liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp trong việc thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

đ) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp cho Sở Xây dựng, theo quy định.

9. Trách nhiệm của các Sở, ngành khác

Các Sở, ngành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định của Quy định này.

10. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo hệ thống truyền thông cơ sở tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý và sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý kịp thời các trường hợp cản trở trái pháp luật, gây rối, phá hoại việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn và các quy định liên quan.

c) Lập kế hoạch đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý đáp ứng chủ trương ngầm hóa trên các tuyến đường trục đường chính đô thị, đảm bảo mỹ quan, tiết kiệm ngân sách, tránh đào đắp vỉa hè nhiều lần làm ảnh hưởng đến người dân.

d) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc khi triển khai các dự án liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến biết, phối hợp thực hiện

di dời hoặc đầu tư xây dựng mới cho đồng bộ; cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với các sở ngành liên quan thực hiện việc quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ trên địa bàn được giao quản lý.

g) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật cho Sở Xây dựng, theo quy định.

12. Đề nghị các Đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải

Chấp thuận, cấp phép thi công các công trình công, bê ngầm, các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ của các tuyến đường thuộc phạm vi được giao quản lý.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp. *bu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh